|  |  |
| --- | --- |
| 001 | Hệ thống bảo vệ của trẻ sơ sinh chỉ hoàn thiện ở: |
|  | Tuổi sơ sinh |
|  | Tuổi bú mẹ |
| \* | 3-4 tuổi |
|  | 5-6 tuổi |
| End |  |
| 002 | Các rào cản quan trọng bảo vệ sơ sinh là: |
|  | Bạch cầu |
| \* | Da-niêm mạc |
|  | IgA |
|  | IgM |
| End |  |
| 003 | Các Ig chủ yếu của bào thai là, **ngoại trừ:** |
|  | IgM |
|  | IgA |
|  | IgG |
| \* | IgE |
| End |  |
| 004 | Nguyên nhân gây bệnh phổ biến nhất trong nhiễm khuẩn mẹ con: |
|  | Clamydia |
|  | Tụ cầu |
| \* | E.coli |
|  | Proteus |
| End |  |
| 005 | Mầm bệnh hay gặp trong thời kỳ phôi thai là: |
|  | Cytomegalovirus |
|  | Toxoplamos |
|  | Xoắn khuẩn giang mai |
| \* | Tất cả đều đúng |
| End |  |
| 006 | Đường lây nhiễm quan trọng trước đẻ là: |
|  | Đường máu |
|  | Nước ối |
|  | Đường dưới |
| \* | Cả 3 đường |
| End |  |
| 007 | Các nhiễm trùng sơ sinh có thể chủ yếu do : |
|  | Virus |
|  | Ký sinh trùng |
|  | Vi khuẩn gram (+) |
| \* | Vi khuẩn gram (-) |
| End |  |
| 008 | Trẻ 3 ngày tuổi bị sốt, mẹ sốt quanh đẻ và ối xanh nên nghĩ bệnh gì |
|  | Viêm phổi |
|  | Viêm màng não mủ |
|  | Nhiễm khuẩn đường ruột |
| \* | Nhiễm khuẩn sơ sinh |
| End |  |
| 009 | Dấu hiệu nào gợi ý viêm màng não mủ ở trẻ sơ sinh: |
|  | Bỏ bú |
|  | Co giật |
|  | Đau đớn khi khám |
| \* | Tất cả đều đúng |
| End |  |
| 010 | Trẻ đẻ ra bị viêm phổi gọi là: |
|  | Viêm phổi mắc phải |
| \* | Viêm phổi bẩm sinh |
|  | Viêm phổi chu sinh |
|  | Viêm phổi quanh đẻ |
| End |  |
| 011 | Trẻ bị viêm phổi vào ngày thứ 10 thuộc: |
| \* | Viêm phổi mắc phải |
|  | Viêm phổi bẩm sinh |
|  | Viêm phổi chu sinh |
|  | Viêm phổi quanh đẻ |
| End |  |
| 012 | Nguyên nhân của viêm da bong là do: |
|  | Viêm da liên cầu |
|  | Viêm da phế cầu |
| \* | Viêm da tụ cầu |
|  | Viêm da do nấm |
| End |  |
| 013 | Xét nghiệm nào sau đây là đặc trưng của nhiễm khuẩn mẹ con: |
|  | Thay đổi bạch cầu |
|  | Fibrin máu > 3,8 g/l |
|  | CRP > 20mg/l |
| \* | Không có xét nghiệm nào |
| End |  |
| 014 | Loại viêm nào dưới đây là nguy hiểm nhất: |
|  | Viêm động mạch rốn |
| \* | Viêm da tụ cầu có sốt |
|  | Viêm niêm mạc do candida |
|  | Viêm da do liên cầu |
| End |  |
| 015 | Bệnh nào là bệnh nhiễm khuẩn đặc trưng của trẻ đẻ non: |
| \* | Viêm ruột hoại tử |
|  | Viêm phổi |
|  | Nhiễm khuẩn máu |
|  | Viêm rốn |
| End |  |
| 016 | Đường xâm nhập của bệnh uốn ván sơ sinh là: |
| \* | Đường máu |
|  | Đường kế cận |
|  | Đường tiêu hóa |
|  | Đường hô hấp |
| End |  |
| 017 | Ta phải kết hợp kháng sinh trong nhiễm khuẩn sơ sinh vì: |
|  | Vi khuẩn kháng thuốc |
| \* | Bệnh thường nặng |
|  | Không phân lập được vi khuẩn |
|  | Trẻ nhỏ quá không có sức đề kháng |
| End |  |
| 018 | Kháng sinh được ưa dùng trong nhiễm khuẩn mẹ sơ sinh là: |
| \* | Betalactam và Aminoside |
|  | Chloramphenicol |
|  | Ciprofloxacine |
|  | Vancomycine |
| End |  |
| 019 | Vi khuẩn nào không phải là vi khuẩn gây nhiễm khuẩn mẹ-con |
| \* | Tụ cầu |
|  | Listeria |
|  | Liên cầu |
|  | E.Coli |
| End |  |
| 020 | Nhiễm khuẩn sơ sinh truyền qua mấy con đường |
|  | 1 |
|  | 2 |
| \* | 3 |
|  | 4 |
| End |  |
| 021 | Nhiễm khuẩn sơ sinh sơm xuất hiện khi nào sau sinh |
| \* | 1-3 ngày |
|  | 2-4 ngày |
|  | 3-5 ngày |
|  | 4-7 ngày |
| End |  |
| 022 | Phân loại theo nguyên nhân gây bệnh, nhiễm khuẩn sơ sinh có mấy loại |
|  | 1 loại |
| \* | 2 loại |
|  | 3 loại |
|  | 4 loại |
| End |  |
| 023 | Trong nhiễm khuẩn sơ sinh nặng, số lượng bạch cầu tăng có giá trị là bao nhiêu |
|  | 5-10 G/l |
|  | 11-15 G/l |
|  | 16-20 G/l |
| \* | >20 G/l |
| End |  |
| 024 | Những nhiễm khuẩn sơ sinh mắc phải hay gặp nào sau đây là phù hợp |
|  | Nhiễm khuẩn tiết niệu – viêm phổi |
| \* | Viêm màng não mủ - nhiễm khuẩn huyết |
|  | Viêm khớp – nhiễm khuẩn huyết |
|  | Viêm màng não mủ - viêm ruột hoại tử |
| End |  |
| 028 | Nhiễm khuẩn sơ sinh mắc phải xảy ra vào thời gian nào sau đẻ |
|  | 1 ngày đầu |
|  | 3 ngày đầu |
|  | Sau 7 ngày |
| \* | Sau 8 ngày |
| End |  |